

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐÓP
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2024/HS-ST

Ngày: 12/6/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐÓP – TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Đoàn Ngọc Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Đoàn Mạnh Quang

Bà: Điều Thị Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nông Văn Thắng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: bà Huỳnh Thị Dạ Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 37/2024/HSST ngày 21 tháng 5 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2024/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 5 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Đ L; Sinh năm: 2000, tại Bình Phước; Tên gọi khác: Đ; giới tính: Nam; Nơi thường trú: Thôn 7, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước; Nơi ở hiện tại: Thôn 2, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Học vấn: 09/12; Nghề nghiệp: không; họ và tên cha: Nguyễn Minh P (đã chết); họ và tên mẹ : Lê Thị Thu H, sinh năm 1980; Bị cáo chưa có vợ con; Bị cáo có 02 em, lớn nhất sinh năm 2006 nhỏ nhất sinh năm 2012;

Tiền án: Không

Tiền sự: Ngày 13/2/2024 bị công an xã T, huyện B xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 1.500.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 08/QĐ-XPHC ngày 13/02/2024.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 06/3/2024 tại nhà tạm giữ Công an huyện Bù Đốp cho đến nay – có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

+ Phạm Thị N, sinh năm 1977; địa chỉ: Thôn 7, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước – vắng mặt.

+ Lê Thị T, sinh năm 1980; địa chỉ: ấp 3, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước – vắng mặt.

- Người làm chứng:

+ Lê Thanh B, sinh năm 1980 – vắng mặt

+ Nguyễn Thị T, sinh năm 1955- vắng mặt
Cùng địa chỉ: Thôn 2, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 21 giờ 00 phút ngày 29/12/2023, L điều khiển xe mô tô Wave, màu xanh, biển số 93H9-0349 từ nhà đến khu vực thôn 7, xã T để tìm tài sản trộm cắp. Khi đến nhà bà Phạm Thị N, L phát hiện 01 xe đạp điện hiệu OSAKA, màu đỏ đen để trong nhà. Sau đó, L lấy một khúc cây gỗ dùng để phá song sắt cửa sổ chui vào nhà, rồi lấy xe đạp điện dẫn ra ngoài theo hướng cửa trước. L để xe đạp điện lên xe mô tô chở đến căn nhà bỏ hoang cách nhà bà N khoảng 01km để cất giấu. Đến 18 giờ ngày 30/12/2023 L nhờ Lê Thanh B chở đến chỗ giấu xe, lấy xe về cất giấu tại nhà bà ngoại của L là bà Nguyễn Thị T để chờ đem đi bán. Ngày 29/12/2023 N đi làm về phát hiện bị mất tài sản nên đến Công an xã T trình báo. Giá trị của chiếc xe đạp điện nhãn hiệu OSAKA, màu đỏ đen là 9.730.000đ.

Vụ thứ hai: Khoảng 08 giờ 00 phút ngày 05/03/2024, L điều khiển xe mô tô tự lắp ráp, màu xanh, không có biển số đi từ nhà thuộc thôn 2, xã T đến nhà bạn ở xã T, huyện B để chơi. Khi đi ngang nhà bà Lê Thị T thuộc ấp 3, xã Thanh Hòa thì xe hết xăng. L dắt xe vào nhà bà T để xin xăng thì phát hiện xe mô tô Honda Wave RSX màu xanh -đen, biển số 93G1-264.82 đang dựng ở sân nhà, không có người trông coi, chìa khóa gắn trên xe, nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản để bán lấy tiền tiêu xài. Sau đó, L đẩy xe mô tô của mình vào dựng trong sân nhà bà T rồi điều khiển xe mô tô Honda Wave RSX màu xanh - đen, biển số 93G1-264.82 mang đi cất giấu trong lô cao su thuộc Đội 1 - Nông trường 5 tại thôn 7, xã T, huyện B để tìm người bán. Tại đây, L tháo biển số xe mô tô và lấy 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Nguyễn Văn L bà Lê Thị T, 01 bản sao giấy khai sinh tên Nguyễn Út Thành Đ, 01 căn cước công dân và chứng minh nhân dân tên Lê Thị T để trong cốp xe cất giấu ở lô cao su cách khu vực giấu xe khoảng 400m Sau khi phát hiện bị mất tài sản, bà T đến Công an huyện Bù Đốp trình báo. Giá trị của xe mô tô Wave RSX màu xanh – đen có biển số 93G1-264.82 là 15.260.000đ.

Cáo trạng số: 37/CTr-VKS ngày 20/5/2024 của VKSND huyện Bù Đốp truy tố bị cáo Nguyễn Đ L về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Đại diện VKSND huyện Bù Đốp giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) tuyên bố bị cáo Nguyễn Đ L phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 50; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 và đề xuất mức hình phạt đối với bị cáo từ 15 đến 18 tháng tù.

Về vật chứng và các vấn đề khác: Đề nghị như nội dung bản cáo trạng

Bị cáo không tham gia tranh luận và xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Các hoạt động tố tụng, các Quyết định của cơ quan điều tra công an huyện Bù Đốp, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đốp, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, bị cáo, bị hại, người có quyền L, nghĩa vụ liên quan không có khiếu nại về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về nội dung: Do không có nghề nghiệp ổn định. Nguyễn Đ L đã L dụng sự sơ hở của chủ sở hữu lén lút chiếm đoạt 01 xe đạp điện hiệu OSAKA, màu đỏ đen của bà Phạm Thị N vào khoảng 21 giờ 00 phút ngày 29/12/2023 và chiếm đoạt 01 xe mô tô Honda RSX màu xanh – đen, biển số 93G1-264.82 của bà Lê Thị T vào khoảng 08 giờ 00 phút ngày 05/3/2024.

Kết luận định giá tài sản số 183/2024/KL-HĐĐGTS, ngày 08/3/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Bù Đốp xác định tại thời điểm ngày 29/12/2023 giá trị của chiếc xe đạp điện nhãn hiệu OSAKA, màu đỏ đen là 9.730.000đ.

Kết luận định giá tài sản số: 372/2024/KL-HĐĐGTS ngày 06/03/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng Hình sự, xác định giá trị tài sản là 01 xe mô tô hiệu Honda, loại Wave RSX màu xanh đen, có biển số 93G1-264.82, tại thời điểm mất mất ngày 05/03/2024 có giá trị là 15.260.000 đ.

Tổng giá trị tài sản mà Nguyễn Đ L đã chiếm đoạt là 24.990.000đ

Hành vi của bị cáo Nguyễn Đ L đã cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự như bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đốp truy tố là đúng hành vi, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ của hành vi:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự an tại địa phương. Bị cáo là người đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật nhưng với mục đích tư L, muốn có tiền tiêu xài cá nhân bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội, điều này thể hiện thái độ coi thường pháp luật của bị cáo là rất cao. Vì vậy, cần xử phạt mức án thật nghiêm tương ứng với hành vi phạm tội của bị cáo nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Tình tiết tăng nặng: Bị cáo đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác 02 lần, mỗi lần đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng là phạm tội 02(hai) lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5] Tình tiết giảm nhẹ: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tài sản đã được thu hồi và trả lại cho người bị hại, bị cáo là lao động chính trong gia đình, đang nuôi dưỡng bà ngoại. Đây là những tình

tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự HĐXX cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[6]. Về nhân thân: Ngày 13/2/2024 bị công an xã T, huyện B xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 1.500.000đ về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, bị cáo chưa được xóa tiền sự nên HĐXX cần xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[7] Trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại được tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu gì thêm nên HĐXX không xem xét.

[8] Về vật chứng:

Đối với xe đạp điện hiệu OSAKA, màu đỏ đen; xe mô tô hiệu Honda, loại Wave RSX màu xanh đen, có biển số 93G1-264.82 đã được cơ quan điều tra thu hồi và quyết định trả lại cho các bị hại Phạm Thị N, Lê Thị T; các giấy tờ gồm: 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Nguyễn Văn L, bà Lê Thị T; 01 bản sao giấy khai sinh tên Nguyễn Út Thành Đ; 01 căn cước công dân và 01 chứng minh nhân dân tên Lê Thị T, cơ quan điều tra cũng đã thu hồi trả lại cho bị hại Lê Thị T, bị hại T và bị hại N không yêu cầu gì thêm nên HĐXX không xem xét lại.

Một xe mô tô, loại Wave, màu xanh, biển số 93H9 – 0349, Nguyễn Đ L sử dụng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản ngày 29/12/2023 đã bán cho một người không rõ nhân thân lai lịch, không thu hồi được nên không đề cập xử lý.

Một xe mô tô, màu xanh, không có biển số, Nguyễn Đ L sử dụng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản ngày 05/3/2024 là tài sản do Nguyễn Đ L tự mua phụ tùng tại các tiệm ve chai về lắp ráp sử dụng, xét tài sản còn giá trị sử dụng bị cáo dùng làm phương tiện phạm tội nên cần tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

[9] Trách nhiệm dân sự: các bị hại không yêu cầu nên không đề cập.

[10] Về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát về mức án đối với bị cáo, và các vấn đề khác là phù hợp nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đ L phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 50; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đ L (Đ) 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 06/3/2024. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

2. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47, 48 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Tịch thu sung vào Ngân sách nhà nước 01(một) xe mô tô màu xanh, không biển số.

Theo Biên bản giao nhận vật chứng số 0007926 ngày 21 tháng 5 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án;

Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đốp;
- Công an huyện Bù Đốp;
- Chi cục THADS huyện Bù Đốp;
- UBND xã (thị trấn);
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đoàn Ngọc Thảo